

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2024

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung sau khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Sao Hôm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14/3/2024, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung sau khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX-ST ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994. Quê quán, nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký thường trú: Thôn Ph, xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn Ph, xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Anh B là người nghiện ma túy, thường có hành vi chửi bới, xúc phạm nhân phẩm danh dự, bạo hành, đánh đập, đe dọa tính mạng chị. Anh B chỉ chơi bời, không đi làm và cũng không cho chị đi làm. Vợ chồng đã không còn tình cảm, sống ly thân và đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 6/2021 đến nay.

Nay chị xét thấy vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh B để ổn định cuộc sống, nuôi dạy con nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 16/10/2018. Cả hai con chung hiện đang ở cùng chị, chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện làm công nhân, lương bình quân 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai, anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Th trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra xô sát. Chị Th đã đưa hai con về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 16/10/2018. Cả hai con chung hiện đang ở cùng chị Th. Nếu ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung hoặc một cháu Nguyễn Quỳnh Tr và tự nguyện không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Anh hiện làm công nhân, lương bình quân 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Th xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh B; chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn chị Th; anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung hoặc một cháu Nguyễn Quỳnh Tr; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh B.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao hai cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 16/10/2018 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị Th và anh B là do vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Vợ chồng thường hay xảy ra xung đột, đánh cãi nhau. Anh B là người sử dụng trái phép chất ma túy, thường có hành vi chửi bới, xúc phạm nhân phẩm danh dự, bạo hành, đánh đập, đe dọa tính mạng chị. Anh B chỉ chơi bời, không đi làm và cũng không cho chị đi làm. Vợ chồng đã không còn tình cảm, sống ly thân và đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 6/2021 đến nay.

Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc chị Th xin ly hôn với anh, dù anh biết chị Th xin ly hôn anh nhưng anh không có tác động nào nhằm động viên chị Th về đoàn tụ, chứng tỏ anh không còn thương yêu, lưu luyến đối với chị Th. Qua ông Nguyễn Văn B1 là bố đẻ anh B và qua thông tin chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng Th - B thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau; gia đình cũng đã nhiều lần khuyên giải, động viên nhưng không có kết quả; anh B để mặc chị Th muốn ly hôn thì tùy, anh không có ý kiến gì và anh không đến Tòa án làm việc. Chị Th đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ hơn một năm nay. Cháu Nguyễn Thị Thu T là con anh B chị Th cũng có lời khai: Bố cháu thường uống rượu say rồi mắng chửi mẹ, cháu biết bố có sử dụng trái phép chất ma túy, ông bà nội đã khuyên bảo nhưng bố không nói gì, mẹ cháu đã đưa chị em cháu về bà ngoại sinh sống từ ba năm nay. Công an xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cũng xác nhận anh B là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, thuộc diện quản lý của Ủy ban nhân

dân xã và do Công an xã trực tiếp theo dõi, quản lý.

Nay chị Th xét thấy vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin ly hôn anh B. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Th và anh B có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 16/10/2018. Cả hai con chung hiện đang ở cùng chị Th, chị Th xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện làm công nhân, lương bình quân 12.000.000 đồng/tháng.

Anh B xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung hoặc một cháu Nguyễn Quỳnh Tr và tự nguyện không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét chị Th có việc làm và có thu nhập cao, ổn định; cả hai con chung đều đã ở cùng chị Th ổn định từ lâu; cháu Nguyễn Thị Thu T có lời khai xin được ở cùng chị Th; anh B là người sử dụng trái phép chất ma túy (Ngày 10/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can đối với Nguyễn Văn B về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự); ông Nguyễn Văn Bạch là bố đẻ anh B xác định gia đình ông không có điều kiện giúp anh B trộm nom, chăm sóc, đưa đón các cháu đi học.

Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định tâm lý con trẻ, cần thiết giao cho chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Quỳnh Tr là phù hợp với điều kiện thực tế của chị Th và anh B, phù hợp nguyện vọng chính đáng của cháu Thủy. Chị Th không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Th và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh B, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

3/ Về con chung: Giao cho chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 16/10/2018 đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001939 ngày 14 tháng 3 năm 2024.

6/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Th và anh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã B, huyện Kim Thành;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Trung